

Bản án số: 21/2023/HS-ST

Ngày: 31/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Ông Vũ Văn Đán

Bà Lương Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19/7/2002 tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán điện thoại; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974 và bà Trịnh Thị T sinh năm 1979, gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1997, có 01 người con là cháu Nguyễn Linh Đ, sinh năm 2022;

Tiền án: Ngày 19/5/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/5/2021) tại Bản án số 15/2021/HSST, trong thời gian chấp hành án treo và thử thách bị cáo phạm tội;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Xuân Q (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/11/2000 tại tỉnh Thừa

Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Nhân viên làm thuê; con ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Đức T: Luật sư Vương Quốc Q, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Quốc Vương, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, có mặt.

Các bị hại:

1. Nguyễn Ngọc Mỹ D, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Căn A, Chung cư 4 L, đường , phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);
2. Lê Bảo K, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số 18/163 Ngõ V, V, Quận Đ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt);
3. Nguyễn Thị C1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);
4. Hoàng Xuân N, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
5. Phạm Thanh T1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đã có đơn xin xét xử vắng mặt);
6. Đỗ Thị T2, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: 43/46/17/21 V, Khu phố 4, phường A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: Căn 14.03 Chung cư A, đường V, phường A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);
7. Nguyễn Trọng V, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn 14, E, K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Đường M2, Mỹ Phước 1, phường, thị xã B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)
8. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt);
9. Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 10 B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);
10. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);
11. Phạm Thị Như H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số 119 V, Tổ dân phố 8, phường K, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (xin xét xử vắng mặt);
12. Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn 15, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

13. Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn 2, xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Số 09 đường C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
14. Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; Nơi cư trú: 060 Đường N, Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai (có đơn xin xét xử vắng mặt);
15. Dương Thị Ngọc H3, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện K tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
16. Trần Nguyệt N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có đơn xin xét xử vắng mặt);
17. Châu Thị L, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 1, Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin xét xử vắng mặt);
18. Hà Đức C2, sinh năm 1990; HKTT: Thôn E, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Số 46A đường H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
19. Trần Thị L, sinh năm 1981; HKTT: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
20. Nguyễn Ái N2, sinh năm 1994; HKTT: Ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt)
21. Trần Thị H4, sinh năm 1976; HKTT: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
22. Mai Huy N, sinh năm 1975; HKTT: Đường 384, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);
23. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1991; HKTT: Khố T, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện tại: Khố T, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt);
24. Phạm Văn Y1, sinh năm 1987; HKTT: 312 N, phường 5, quận P, Thành phố H; Nơi ở: 74/5K Phường 5, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)
25. Nguyễn Thị Ánh H3, sinh năm 1992; HKTT: Số 388 T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nơi ở hiện tại: Số 99 Nguyễn Thị T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);
26. H Mọt Niê, sinh năm 1986; HKTT: Thôn Buôn M, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt)*;
27. Ngô Thị T4, sinh năm 1990; HKTT: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
28. Nguyễn Thị H8 T5, sinh năm 1997; HKTT: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);

29. Trần Thị Ái V2, sinh năm 1987; HKTT: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
30. Đỗ Thị H5, sinh năm 1981; HKTT: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt);
31. Huỳnh Nguyễn Hoàng Y2, sinh năm 1986; HKTT: Số 18 N, phường 01, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở: Số 1063 Lê Văn L, ấp 3, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt);
32. Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; HKTT: Thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt);
33. Nguyễn Thị Tuyết T6, sinh năm 1993; HKTT: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đã có đơn xin xét xử vắng mặt);
34. Vương Thị T7, sinh năm 1987; HKTT: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
35. Huỳnh Thị Ánh L, sinh năm 1985; HKTT: Thôn 6, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đã có đơn xin xét xử vắng mặt);
36. Phan Thị T7, sinh năm 1992; Nơi cư trú: 176/11/3 T, tổ 8, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (có đơn xin xét xử vắng mặt);
37. Nguyễn Thị N6, sinh năm 1987; HKTT: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (có đơn xin xét xử vắng mặt);
38. Nguyễn Đình V4, sinh năm 1984; HKTT: Tổ 3, thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin xét xử vắng mặt);
39. Vũ Thị T8, sinh năm 1979; HKTT: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (vắng mặt);
40. Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; HKTT: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin xét xử vắng mặt);
41. Võ Văn H4, sinh năm 1987; HKTT: Thôn 7, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
42. Phan Thị H5, sinh năm 1978; HKTT: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
43. Nguyễn Đăng Khánh N6, sinh năm 1995; HKTT: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
44. Nguyễn Thị H7, sinh năm 1981; HKTT: Tổ 4, ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt);
45. Phạm Thị L3, sinh năm 1990; HKTT: Thôn 1B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

46. Trịnh Thị H, sinh năm 1992; HKTT: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Số 325/14 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);
47. Mai Văn P1, sinh năm 1987; HKTT: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
48. Lê Đình N6, sinh năm 1995; HKTT: Thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);
49. Nguyễn Thị T9; Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
50. Trần Thị Thu H7, sinh năm 1994; Địa chỉ: huyện N, tỉnh Hà Nam (vắng mặt);
51. Lê Văn T9, sinh năm 1974; Địa chỉ: Xóm 3, xã S, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt);
52. Cù Văn M, sinh năm 1974; Địa chỉ: H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);
53. Đỗ Thị K3, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)
54. Đặng Văn L3; Địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
55. Nguyễn Văn K3; Địa chỉ: Số 32 T, phường A, Thành phố R, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt);
56. Nguyễn Thị T9; Địa chỉ: xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
57. Phạm Mạnh C; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
58. Phạm Hồng D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);
59. Nguyễn Thị Diễm T10; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);
60. Hoàng Thị N7, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 246 Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);
61. Lê Thanh T11, sinh năm 1991; Địa chỉ: H, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);
62. Nguyễn Thị H8, sinh năm 1982; Địa chỉ: xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt);
63. Nguyễn Thị H9; Địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);
64. Tạ Thị H12, sinh năm 2004; Địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt);
65. Nguyễn Thị Thanh T13, sinh năm 1987; Địa chỉ: V, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt);

66. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

67. Nguyễn Thanh Kim H8, sinh năm 1983; Địa chỉ: xã C, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

68. Vương Xuân T14; Địa chỉ: Số 168 N, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội (vắng mặt)

69. Nguyễn Huyền T15, sinh năm 1994; Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

70. Lê Văn T, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn 13, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bùi Văn Tiến D1, sinh năm 2001; Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt);

2. Huỳnh Lâm Đại N8, sinh năm 2000; Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt);

3. Chị Lê Thị Thanh N7, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ 3, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Xuân N6, sinh năm 1964; HKTT: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt);

5. Ông Nguyễn Đức T16, sinh năm 1974; HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T làm nghề bán điện thoại di động và đang chấp hành án treo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức chiếm quyền sử dụng tài khoản facebook (hack facebook) của người khác rồi mạo danh tài khoản bị hack để vay (mượn) tiền.

Vào đầu tháng 01/2022, T1 tiếp tục nảy sinh ý định hack facebook của người khác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã tìm hiểu cách thức thực hiện hành vi trên mạng Internet. T1 đã mua trang Web có địa chỉ <http://tainang2022.weebly.com> giả mạo trang Web cuộc thi “TÀI NĂNG NHÍ” với giá 2.000.000đ của một người không rõ nhân thân lai lịch trên mạng xã hội Telegram để thực hiện ý định trên. Khi bán trang Web này, người bán cho T1 tài khoản facebook “T” của bà Lê Thị Thanh N7 (đã bị hack từ trước) và hướng dẫn T1 cách thức sử dụng trang Web này để hack tài khoản của người khác. Ngày 27/01/2022, T1 sử dụng tài khoản facebook “T”, giả làm chủ tài khoản nhắn tin gửi đường Link dẫn đến địa chỉ trang Web <http://tainang2022.weebly.com> có giao

diện cuộc thi “TÀI NĂNG NHÍ” và nhờ bạn bè, người thân của chủ tài khoản “Thanh Ngọc Lê” tham gia bình chọn. Do trang Web <http://tainang2022.weebly.com> yêu cầu phải điền thông tin tài khoản facebook để tham gia bình chọn nên khi có người điền thông tin thì trang Web sẽ thu thập được tên tài khoản và mật khẩu đăng nhập tài khoản của người này. T1 sẽ dùng mật khẩu thu thập được để đăng nhập tài khoản facebook rồi thay đổi thông tin đăng ký, thay đổi mật khẩu và chiếm đoạt quyền sử dụng tài khoản của người này. Sau đó, T1 thực hiện việc gửi Link trang Web chuyển tiếp từ người này đến người khác trong danh sách bạn bè của các tài khoản facebook đã hack được để hack thêm nhiều tài khoản khác. Khi hoàn thành việc hack tài khoản, T1 nghiên cứu mục tin nhắn messenger của tài khoản hack được, xem cách thức chủ tài khoản nhắn tin với bạn bè, người thân của họ rồi giả mạo là chủ tài khoản đã bị hack nhắn tin đến các tài khoản trong danh sách bạn bè để mượn tiền với nhiều lý do khác nhau, mang tính khẩn cấp như có việc gấp, bị tai nạn cần tiền đóng tiền viện phí, gửi kèm ảnh người bị tai nạn đang nằm bệnh viện.... và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng MB Bank số 7799992309999 tên Bùi Văn Tiếng D7 và số 3040101375555 tên Huỳnh Lâm Đại N8 là tài khoản mà T1 đã mua của một người không rõ nhân thân lại lịch trên mạng xã hội Telegram với giá 5.000.000đ. Khi có người bị lừa, thực hiện chuyển tiền thì T1 sử dụng thẻ ATM của các tài khoản ngân hàng tương ứng đến cây ATM để rút tiền mặt rồi chiếm đoạt (BL 56-65, 81-97, 105-120).

Với thủ đoạn trên, từ ngày 27/01/2022 đến ngày 14/3/2022 đã có 21 bị hại chuyển khoản vào tài khoản Bùi Văn Tiếng D với tổng số tiền 193.520.000đ và nhiều bị hại khác (chưa xác định được nhân thân) thực hiện 04 giao dịch chuyển cho T1 tổng số tiền 13.000.000đ.

+ Trong đó, có 21 bị hại đã xác định được gồm: Nguyễn Ngọc Mỹ D số tiền 5.000.000đ; Lê Bảo K số tiền 10.000.000đ, Nguyễn Thị H9 số tiền 1.500.000đ, Nguyễn Thị C1 số tiền 3.000.000đ, Nguyễn Thanh Kim H8 số tiền 7.000.000đ, Hoàng Xuân N số tiền 7.000.000đ, Phạm Thanh T1 số tiền 13.500.000đ, Nguyễn Văn Đ số tiền 7.000.000đ, Đỗ Thị T2 số tiền 10.000.000đ, Vương Xuân T14 số tiền 15.000.000đ, Nguyễn Trọng V số tiền 720.000đ, Nguyễn Thị T3 số tiền 7.000.000đ, Nguyễn Thị Thu K số tiền 50.000.000đ, Nguyễn Thị T4 số tiền 5.000.000đ, Phan Thị Như Hoa số tiền 7.000.000đ, Nguyễn Thị Tường V số tiền 7.000.000đ, Nguyễn Huyền T15 số tiền 1.300.000đ, Nguyễn Thị Thu H2 số tiền 7.000.000đ, Nguyễn Thị D số tiền 23.000.000đ, Dương Thị Ngọc H3 số tiền 3.000.000đ, Trần Nguyệt N số tiền 3.500.000đ;

+ 04 giao dịch chuyển tiền gồm các mã: FT 22041777476037 ngày 10/02/2022 chuyển 4.000.000đ, FT22049080979242 ngày 18/02/2022 chuyển 5.000.000đ, FT22049466137265 ngày 18/02/2022 chuyển 3.000.000đ, FT22049024823346 ngày 18/02/2022 chuyển 1.000.000đ (BL 292-295, 316-320).

Đồng thời, có 17 bị hại khác chuyển 172.150.000đ và nhiều bị hại khác (chưa xác định được nhân thân) thực hiện 13 giao dịch chuyển tổng số tiền 167.200.000đ cho T1 vào tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8.

+ Trong đó, 17 bị hại đã xác định được gồm: H'Mot Niê số tiền 2.000.000đ, Ngô Thị T4 số tiền 7.000.000đ, Nguyễn Thị T9 số tiền 5.000.000đ, Trần Thị Ái V2 số tiền 7.000.000đ, Phạm Mạnh C số tiền 7.000.000đ, Đỗ Thị H5 90.000.000đ, Huỳnh Nguyễn Hoàng Y2 số tiền 8.000.000đ, Nguyễn Văn H số tiền 7.000.000đ, Lê Văn T9 số tiền 10.000.000đ, Trần Thị Thu H7 số tiền 5.500.000đ, Cù Văn M số tiền 4.000.000đ, Lê Văn T số tiền 1.000.000đ, Nguyễn Thị H8 T5 số tiền 7.000.000đ, Đặng Văn L3 số tiền 650.000đ, Nguyễn Thị Tuyết T6 số tiền 2.000.000đ, Vương Thị T7 số tiền 2.000.000đ, Huỳnh Thị Ánh L số tiền 7.000.000đ.

+ Có 13 giao dịch chuyển tiền gồm các mã: FT22054571016350 ngày 23/02/2022 chuyển 3.500.000đ; FT22056680697425 ngày 25/02/2022 chuyển 38.400.000đ; các mã FT22059970814198 (qua ví momo) chuyển 3.000.000đ, FT22059014443158 chuyển 500.000đ, FT22059804902869 chuyển 3.000.000đ vào ngày 28/02/2022; mã FT22062620009231 ngày 03/3/2022 chuyển 3.000.000đ; các mã FT22067037599671 chuyển 10.000.000đ, FT22067075936329 chuyển 5.000.000đ vào ngày 08/3/2022; các mã FT22068225006034 chuyển 7.000.000đ, FT22068416428474 chuyển 10.000.000đ, FT22068318935432 chuyển 20.000.000đ, FT22068115107876 chuyển 35.000.000đ, FT22068390061882 chuyển 28.800.000đ chuyển vào ngày 09/3/2022 (BL 292-295, 316-320).

Đến tháng 3/2022, Nguyễn Xuân Q đến làm thuê tại cửa hàng điện thoại di động của T1. Tại đây, T1 thỏa thuận Q giúp T1 thực hiện việc nhắn tin gửi Link trang Web nhờ bình chọn để hack facebook của người khác và nhắn tin lừa đảo chiếm đoạt tiền, số tiền chiếm đoạt được T1 hưởng 70% còn Q hưởng 30%, thì Q đồng ý.

Từ ngày 15/3/2022 đến khi bị phát hiện, có 15 bị hại chuyển khoản với số tiền 130.075.000đ cho T1 và Q vào tài khoản Bùi Văn Tiến D1:

+15 bị hại gồm: Tạ Thị H12 số tiền 950.000đ, Châu Thị L số tiền 7.000.000đ, Hà Đức C2 số tiền 5.000.000đ, Trần Thị L số tiền 27.000.000đ, Nguyễn Ái N2 số tiền 4.000.000đ, Nguyễn Thanh Thảo số tiền 7.000.000đ, Trần Thị H4 số tiền 2.000.000đ, Mai Huy N số tiền 6.900.000đ, Nguyễn Thị H8 số tiền 105.000đ, Nguyễn Thị T3 số tiền 10.000.000đ, Lê Thanh T11 số tiền 20.000.000đ, Hoàng Thị N7 số tiền 10.000.000đ, Phạm Văn Y1 số tiền 10.000.000đ, Nguyễn Thị Diễm T10 số tiền 120.000đ, Nguyễn Thị Ánh H3 số tiền 20.000.000đ.

Đồng thời, có 17 bị hại khác chuyển 245.400.000đ và nhiều bị hại khác (chưa xác định được nhân thân) thực hiện 14 giao dịch chuyển tổng số tiền 65.000.000đ cho T1 và Q vào tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8:

+ 17 bị hại gồm: Phan Thị T7 số tiền 2.000.000đ, Nguyễn Thị N6 số tiền 23.000.000đ, Phạm Hồng D số tiền 2.900.000đ, Nguyễn Đình V4 số tiền

4.000.000đ, Vũ Thị T8 số tiền 5.000.000đ, Nguyễn Văn K3 số tiền 5.000.000đ, Nguyễn Thị L số tiền 7.000.000đ, Võ Văn H4 số tiền 17.000.000đ, Phan Thị H5 số tiền 3.500.000đ, Nguyễn Đăng Khánh N6 số tiền 10.000.000đ, Nguyễn Thị T9 số tiền 7.000.000đ, Nguyễn Thị H7 số tiền 77.000.000đ, Phạm Thị L3 số tiền 10.000.000đ, Trịnh Thị H số tiền 25.000.000đ, Mai Văn P1 số tiền 3.000.000đ, Lê Đình N6 số tiền 29.000.000đ, Đỗ Thị K3 số tiền 15.000.000đ;

+ Có 14 giao dịch chuyển tiền gồm các mã: FT22075470850305 chuyển 1.000.000đ; FT22075464752201 chuyển 3.000.000đ; FT220755222169033 chuyển 5.000.000đ; FT22075128600190 chuyển 5.000.000đ, FT22075960520592 chuyển 8.000.000đ; FT22075254833816 chuyển 10.000.000đ vào ngày 16/3/2022; FT22080064892190 chuyển 7.000.000đ; FT22080081692211 chuyển 1.000.000đ; FT22080397831515 chuyển 2.000.000đ; FT22080473820076 chuyển 2.000.000đ; FT22080211059633 chuyển 2.000.000đ vào ngày 21/3/2022; FT22089730928947 ngày 30/3/2022 chuyển 4.000.000đ; FT22090491238888 ngày 31/3/2022 chuyển 10.000.000đ; FT22091041251916 ngày 01/4/2022 chuyển 5.000.000đ (BL 292-295, 316-320).

Tất cả số tiền trên, T1 đến các trụ ATM trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị rút về chia nhau tiêu xài.

Như vậy, từ ngày 27/01/2022 đến khi phát hiện là ngày 08/4/2022, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của 70 bị hại và nhiều bị hại khác (chưa xác định được nhân thân) gồm 31 giao dịch chuyển khoản với tổng số tiền là 986.345.000đ, trong đó Q giúp T1 chiếm đoạt tổng số tiền là 440.475.000đ và được chia 132.142.500đ. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đồng thời giao nộp toàn bộ công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 máy tính xách tay hiệu Asus, Model: 826NGW; 01 điện thoại di động màu đen hiệu iphone 7; 02 thẻ ATM ngân hàng MB Bank của tài khoản số 7799992309999 tên Bùi Văn Tiếng D7 và tài khoản số 3040101375555 tên Huỳnh Lâm Đại N8; 01 thẻ ATM ngân hàng ACB tài khoản số 20927047 tên Bùi Văn Tiếng D7; 01 sim điện thoại di động 4G Mobifone số 0702488705, sêri sim 8401210850208347 đây là các công cụ, phương tiện T1, Q thực hiện hành vi phạm tội (BL 103-104).

+ Số tiền 100.000.000 là một phần số tiền Nguyễn Đức T lừa đảo chiếm đoạt được (BL 104, 125).

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đức T tác động gia đình giao nộp số tiền 300.000.000đ và bị cáo Q tác động gia đình giao nộp 100.000.000đ để khắc phục hậu quả, trả lại cho các bị hại (BL 123, 130-131).

Cáo trạng số 13/CT-VKSBP-P1 ngày 29/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với các bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị Thu K, Trịnh Thị H yêu cầu các bị cáo trả lại cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q tại Cáo trạng số 13/CT-VKSBP-P1 ngày 29/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù;

Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo T1 phải chấp hành 09 tháng tù cho hưởng án treo (tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 02/4/2021) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 15/2021/HS-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt chung là 13 năm 03 tháng tù đến 13 năm 09 tháng tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q mức án từ 7 năm 06 tháng tù đến 8 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 máy tính xách tay hiệu Asus, Model: 826NGW; 01 điện thoại di động màu đen hiệu iphone 7; 01 sim điện thoại di động 4G Mobifone số 0702488705, sêri sim 8401210850208347 là các công cụ, phương tiện T1, Q thực hiện hành vi phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 thẻ ATM ngân hàng MB Bank của tài khoản số 7799992309999 tên Bùi Văn Tiếng D7 và tài khoản số 3040101375555 tên Huỳnh Lâm Đại N8; 01 thẻ ATM ngân hàng ACB tài khoản số 20927047 tên Bùi Văn Tiếng D7;

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự tuyên trả lại cho các bị hại số tiền 100.000.000đ.

- Về trách nhiệm dân sự:

Tổng số tiền hai bị cáo chiếm đoạt là 986.345.000đ (đã xác định được bị hại: 741.145.000đ; chưa xác định được bị hại: 245.200.000đ), trong đó Q giúp sức cho T1 chiếm đoạt 440.475.000đ (đã xác định được bị hại là 375.475.000đ; chưa xác định được bị hại là 65.000.000đ).

Đối với số tiền 741.145.000đ đã xác định được bị hại:

+ Bị cáo T1 phải bồi thường 365.670.000đ (*có danh sách kèm theo*)

+ Bị cáo T1 và Q phải liên đới bồi thường cho các bị hại 375.475.000đ (*có danh sách kèm theo*). Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ được 100.000.000đ nên đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho các bị hại, còn lại bị cáo T1, Q phải liên đới bồi thường số tiền 275.475.000đ.

Như vậy, tổng số tiền T1 phải bồi thường cho các bị hại đã xác định được nhân thân là $365.670.000đ + \frac{1}{2} (275.475.000đ) = 503.407.500đ$. Bị can T1 tác động gia đình giao nộp số tiền 300.000.000đ đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho các bị hại. Số tiền còn lại T1 phải bồi thường cho các bị hại đã xác định được nhân thân là: 203.407.500đ.

Tổng số tiền bị can Q phải bồi thường cho các bị hại là $\frac{1}{2} \times 275.475.000đ = 137.737.500đ$. Bị can Q tác động gia đình giao nộp 100.000.000đ để khắc phục hậu quả, đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho các bị hại. Số tiền còn lại Q phải bồi thường cho các bị hại đã xác định được nhân thân là: 37.737.500đ.

Đối với số tiền 245.200.000đ chưa xác định được nhân thân bị hại:

+ T1 phải bồi thường $180.200.000đ + \frac{1}{2} (65.000.000đ) = 212.700.000đ$.

+ Q phải bồi thường $\frac{1}{2} (65.000.000đ) = 32.500.000đ$.

Do chưa xác định được bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi đương sự có yêu cầu đối với T1, Q về số tiền này.

- Vấn đề khác:

+ Đối với người bán đường Link Weebly và tài khoản ngân hàng để Nguyễn Đức T và Nguyễn Xuân Q thực hiện việc hack facebook lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân nên tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau.

+ Đối với Bùi Văn Tiêng D7 là người đứng tên chủ tài khoản 7799992309999 mở tại ngân hàng MBbank và Huỳnh Lâm Đại N8 là người đứng tên chủ tài khoản 3040101375555 mở tại ngân hàng mở tại ngân hàng MBbank nhưng Dũng và Nam không sử dụng tài khoản này và không biết các đối tượng sử dụng tài khoản này để phạm tội nên không đặt vấn đề xử lý.

+ Đối với tổng số tiền 245.200.000đ còn lại của các bị hại khác thực hiện chuyển tiền đến 02 tài khoản 7799992309999 và 3040101375555 để Nguyễn Đức T và Nguyễn Xuân Q chiếm đoạt (gồm 31 mã giao dịch), hiện cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân các bị hại nên tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi các bị hại có yêu cầu.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt đã truy tố, tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tích cực tác động gia đình khắc phục 300.000.000đ là gần 2/3 có trách nhiệm bồi thường của bị cáo, bị cáo có con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, có bà nội là người có công cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt, nhằm thể hiện sự khoan hồng với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, một số bị hại vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, một số bị hại đã xác định nhân thân nhưng vắng mặt khi Tòa án triệu tập, một số bị hại không có mặt tại địa phương, hoặc đến nay chưa xác định được nhân thân nên Tòa án không tiến hành các thủ tục triệu tập nhưng căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 4 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10/9/2012 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông việc vắng mặt các bị hại nêu trên không ảnh hưởng việc xét xử nên Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản kiểm tra, bản kết luận giám định, vật chứng thu giữ, cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai các bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều

tra, phù hợp lời khai các bị hại về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài, khoảng tháng 01/2022 Nguyễn Đức T đã mua trang Web có địa chỉ <http://tainang2022.weebly.com> giả mạo trang Web cuộc thi “TÀI NĂNG NHÍ” và tài khoản facebook “Thanh Ngọc Lê” đã bị hack từ trước để sử dụng hack tài khoản facebook, thay đổi thông tin đăng ký, mật khẩu và chiếm đoạt quyền sử dụng tài khoản facebook của người khác. Sau khi chiếm đoạt tài khoản, T1 mạo danh chủ tài khoản nhắn tin vào tin nhắn messenger với bạn bè, người thân các bị hại đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật để mượn tiền với các lý do khẩn cấp như bạn bè bị tai nạn, nhập viện,... và yêu cầu các bị hại chuyển tiền cho T1 qua hai số tài khoản: Tài khoản số 7799992309999, chủ tài khoản Bùi Văn Tiến D1, mở tại ngân hàng MB Bank (gọi tắt tài khoản Bùi Văn Tiến D1) và số tài khoản 3040101375555, chủ tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8, mở tại ngân hàng MB Bank (gọi tắt tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8), khi các bị hại chuyển tiền T1 sẽ dùng thẻ ATM của hai tài khoản trên, trực tiếp đến cây ATM trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị để rút tiền rồi chiếm đoạt.

Với cách thức trên từ ngày 27/01/2022 đến trước ngày 15/3/2022 T1 đã tự mình thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt số tiền 545.870.000 đồng, cụ thể:

+ Tài khoản Bùi Văn Tiến D1: số tiền 206.520.000 đồng, trong đó đã xác định được 21 bị hại với tổng số tiền 193.520.000 đồng, 04 mã giao dịch chuyển với số tiền 13.000.000 đồng nhưng chưa xác định được bị hại;

+ Tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8: số tiền 339.350.000 đồng, trong đó đã xác định 17 bị hại chuyển với tổng số tiền 172.150.000 đồng, còn 13 mã giao dịch chuyển số tiền 167.200.000 đồng nhưng chưa xác định được bị hại;

Đến đầu tháng 3/2022, Nguyễn Xuân Q trực tiếp giúp T1 thực hiện việc hack tài khoản facebook và nhắn tin mượn tiền các bị hại với cách thức như T1 hướng dẫn, số tiền chiếm đoạt được T1 chia 30% cho Q, còn T1 hưởng 70%. Từ ngày 15/3/2022 đến khi bị phát hiện, T1 và Q đã chiếm đoạt được số tiền là 440.475.000 đồng, T1 lấy số tiền 308.332.500 đồng, chia cho Quý 132.142.500 đồng, cụ thể:

+ Tài khoản Bùi Văn Tiến D1: số tiền 130.075.000 đồng trong đó đã xác định được 15 bị hại;

+ Tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8: số tiền 310.400.000 đồng, trong đó đã xác định 17 bị hại với tổng số tiền 245.400.000 đồng, còn 14 mã giao dịch số tiền 65.000.000 đồng nhưng chưa xác định được bị hại;

Như vậy, từ ngày 27/01/2022 đến ngày 08/4/2022 tổng số tiền bị cáo T1 chiếm đoạt các bị hại là 986.345.000 đồng, trong đó Q giúp T1 chiếm đoạt được

số tiền là 440.475.000 đồng, Q được T1 chia cho 132.142.500 đồng, số tiền trên T1 và Q đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Mặc dù, hiện nay có 31 mã giao dịch chuyển tiền cho T1 vào 02 tài khoản Bùi Văn Tiến D1, Huỳnh Lâm Đại N8, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành các biện pháp xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch bị hại nhưng quá trình điều tra, truy tố, xét xử có căn cứ xác định tổng số tiền chuyển vào hai tài khoản Bùi Văn Tiến D1, Huỳnh Lâm Đại N8 là do T1, Q thực hiện hành vi phạm tội nêu trên mà có.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng, không phải lao động nên vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Đây là vụ án đồng phạm nên cần xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để cá thể hoá hình phạt, cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T1: Khi thực hiện hành vi phạm tội T1 vừa là người thực hành, vừa là người chủ mưu, bị cáo là người trực tiếp tìm mua trang Web, tài khoản để thực hiện việc hack tài khoản facebook, tìm mua tài khoản ngân hàng, trực tiếp nhắn tin đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của của hơn 70 bị hại ở nhiều tỉnh thành trên cả nước. Số tiền bị cáo Thuỷ chiếm đoạt các lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo ngày 19/5/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tại Bản án số 15/2021/HSST về hành vi phạm tội tương tự, nhưng trong thời gian chấp hành án bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội với mức độ ngày càng tinh vi, nghiêm trọng hơn nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần có mức án thật nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời

cần áp dụng Điều 56, Điều 65 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo của Bản án số 15/2021/HSST của TAND thị xã Ba Đồn nêu trên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Thuỷ đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có con còn nhỏ, có bà nội bà Đinh Thị Quang là người có công cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Thuỷ.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân Q: Khi thực hiện hành vi phạm tội, Q vừa là người thực hành, vừa là người giúp sức, Q đã dùng đường link, tài khoản facebook mà T1 hack trước đó để giúp T1 hack, chiếm đoạt quyền sử dụng tài khoản facebook người khác và mạo danh chủ tài khoản đưa ra các thông tin gian dối, hỏi vay mượn, yêu cầu các bị hại chuyển tiền vào 02 số tài khoản do T1 cung cấp nên Q phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mình gây ra. Số tiền Q giúp T1 chiếm đoạt các lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả, bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Q khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Do hai bị cáo Nguyễn Đức Thuỷ, Nguyễn Xuân Q đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

[6.1] Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu trách nhiệm trả lại số tiền chiếm đoạt từ ngày 27/01/2022 đến trước ngày 15/3/2022 đối với các bị hại, cụ thể:

- + Nguyễn Ngọc Mỹ D số tiền 5.000.000đ;
- + Lê Bảo K số tiền 10.000.000đ;
- + Nguyễn Thị H9 số tiền 1.500.000đ;
- + Nguyễn Thị C1 số tiền 3.000.000đ;
- + Nguyễn Thanh Kim H8 số tiền 7.000.000đ;

+ Hoàng Xuân N số tiền 7.000.000đ;
+ Phạm Thanh T1 số tiền 13.500.000đ;
+ Nguyễn Văn Đ số tiền 7.000.000đ;
+ Đỗ Thị T2 số tiền 10.000.000đ;
+Vương Xuân T14 số tiền 15.000.000đ;
+Nguyễn Trọng V số tiền 720.000đ;
+ Nguyễn Thị T3 số tiền 7.000.000đ;
+ Nguyễn Thị Thu K số tiền 50.000.000đ;
+ Nguyễn Thị T4 số tiền 5.000.000đ;
+ Phan Thị Như Hoa số tiền 7.000.000đ;
+ Nguyễn Thị Tường V số tiền 7.000.000đ
+ Nguyễn Huyền T15 số tiền 1.300.000đ;
+ Nguyễn Thị Thu H2 số tiền 7.000.000đ;
+ Nguyễn Thị D số tiền 23.000.000đ;
+ Dương Thị Ngọc H3 số tiền 3.000.000đ;
+ Trần Nguyệt N số tiền 3.500.000đ;
+ H'Mot Niê số tiền 2.000.000đ;
+ Ngô Thị T4 số tiền 7.000.000đ;
+ Nguyễn Thị T9 số tiền 5.000.000đ;
+ Trần Thị Ái V2 số tiền 7.000.000đ;
+ Phạm Mạnh C số tiền 7.000.000đ;
+ Đỗ Thị H5 90.000.000đ;
+ Huỳnh Nguyễn Hoàng Y2 số tiền 8.000.000đ;
+ Nguyễn Văn H số tiền 7.000.000đ;
+ Lê Văn T9 số tiền 10.000.000đ;
+ Trần Thị Thu H7 số tiền 5.500.000đ;
+ Cù Văn M số tiền 4.000.000đ;
+ Lê Văn T số tiền 1.000.000đ;
+ Nguyễn Thị H8 T5 số tiền 7.000.000đ;
+ Đặng Văn L3 số tiền 650.000đ;
+ Nguyễn Thị Tuyết T6 số tiền 2.000.000đ;
+ Vương Thị T7 số tiền 2.000.000đ;
+ Huỳnh Thị Ánh L số tiền 7.000.000đ.
Tổng số tiền là: 365.670.000 đồng.

[6.2] Buộc bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q phải liên đới chịu trách nhiệm trả lại số tiền chiếm đoạt các bị hại từ ngày 15/3/2022 đến ngày bị phát hiện, đối với các bị hại, cụ thể:

+ Tạ Thị H12 số tiền 950.000đ;
+ Châu Thị L số tiền 7.000.000đ;
+ Hà Đức C2 số tiền 5.000.000đ;

- + Trần Thị L số tiền 27.000.000đ;
- + Nguyễn Ái N2 số tiền 4.000.000đ;
- + Nguyễn Thanh Thảo số tiền 7.000.000đ;
- + Trần Thị H4 số tiền 2.000.000đ;
- + Mai Huy N số tiền 6.900.000đ;
- + Nguyễn Thị H8 số tiền 105.000đ;
- + Nguyễn Thị T3 số tiền 10.000.000đ;
- + Lê Thanh T11 số tiền 20.000.000đ;
- + Hoàng Thị N7 số tiền 10.000.000đ;
- + Phạm Văn Y1 số tiền 10.000.000đ;
- + Nguyễn Thị Diễm T10 số tiền 120.000đ;
- + Nguyễn Thị Ánh H3 số tiền 20.000.000đ.
- + Phan Thị T7 số tiền 2.000.000đ;
- + Nguyễn Thị N6 số tiền 23.000.000đ;
- + Phạm Hồng D số tiền 2.900.000đ;
- + Nguyễn Đình V4 số tiền 4.000.000đ;
- + Vũ Thị T8 số tiền 5.000.000đ;
- + Nguyễn Văn K3 số tiền 5.000.000đ;
- + Nguyễn Thị L số tiền 7.000.000đ;
- + Võ Văn H4 số tiền 17.000.000đ;
- + Phan Thị H5 số tiền 3.500.000đ;
- + Nguyễn Đặng Khánh N6 số tiền 10.000.000đ;
- + Nguyễn Thị T9 số tiền 7.000.000đ;
- + Nguyễn Thị H7 số tiền 77.000.000đ;
- + Phạm Thị L3 số tiền 10.000.000đ;
- + Trịnh Thị H số tiền 25.000.000đ;
- + Mai Văn P1 số tiền 3.000.000đ;
- + Lê Đình N6 số tiền 29.000.000đ;
- + Đỗ Thị K3 số tiền 15.000.000đ;

Tổng là: 375.475.000đ, tuy nhiên, do tại phiên tòa T1 và Q thống nhất thỏa thuận do Q chỉ hưởng 30% tổng số tiền chiếm đoạt, còn lại 70% T1 hưởng nên Q có trách nhiệm khắc phục số tiền $30\% \times 375.475.000đ = 112.642.000đ$; T1 khắc phục số tiền $70\% \times 375.475.000đ = 262.832.000đ$.

[6.3] Như vậy, tổng số tiền bị cáo T1 phải trả lại cho các bị hại là 628.502.000 đồng, bị cáo Q phải trả lại cho các bị hại là 112.642.000đ, được khấu trừ số tiền 300.000.000đ gia đình bị cáo T1 đã nộp khắc phục, 100.000.000đ gia đình bị cáo Q nộp khắc phục và 100.000.000đ thu giữ của hai bị cáo trong quá trình điều tra. Số tiền còn lại T1 phải tiếp tục nộp trả lại cho các bị hại tại mục [6.1] và [6.2] là 241.144.000đ

[6.4] Đối với 31 mã giao dịch chuyển tiền vào tài khoản Huỳnh Lâm Đại

N8, Bùi Văn Tiến D1:

- Tính từ ngày 27/01/2022 đến ngày 14/3/2022 (do T1 chiếm đoạt):

+ FT 22041777476037 ngày 10/02/2022 chuyển 4.000.000đ;

+ FT22049080979242 ngày 18/02/2022 chuyển 5.000.000đ;

+ FT22049466137265 ngày 18/02/2022 chuyển 3.000.000đ;

+ FT22049024823346 ngày 18/02/2022 chuyển 1.000.000đ

(Vào tài khoản Bùi Văn Tiến D1 tại các bút lục 292-295, 316-320)

+ FT22054571016350 ngày 23/02/2022 chuyển 3.500.000đ;

+ FT22056680697425 ngày 25/02/2022 chuyển 38.400.000đ;

+ FT22059970814198 (qua ví momo) chuyển 3.000.000đ;

+ FT22059014443158 chuyển 500.000đ;

+ FT22059804902869 chuyển 3.000.000đ vào ngày 28/02/2022;

+ FT22062620009231 ngày 03/3/2022 chuyển 3.000.000đ;

+ FT22067037599671 chuyển 10.000.000đ;

+ FT22067075936329 chuyển 5.000.000đ vào ngày 08/3/2022;

+ FT22068225006034 chuyển 7.000.000đ,

+ FT22068416428474 chuyển 10.000.000đ;

+ FT22068318935432 chuyển 20.000.000đ;

+ FT22068115107876 chuyển 35.000.000đ;

+ FT22068390061882 chuyển 28.800.000đ chuyển vào ngày 09/3/2022

(Vào tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8 các bút lục 292-295, 316-320);

- Tính từ ngày 15/3/2022 đến khi bị phát hiện (do T1, Q cùng chiếm đoạt)

+ FT22075470850305 chuyển 1.000.000đ;

+ FT22075464752201 chuyển 3.000.000đ;

+ FT220755222169033 chuyển 5.000.000đ;

+ FT22075128600190 chuyển 5.000.000đ;

+ FT22075960520592 chuyển 8.000.000đ;

+ FT22075254833816 chuyển 10.000.000đ vào ngày 16/3/2022;

+ FT22080064892190 chuyển 7.000.000đ;

+ FT22080081692211 chuyển 1.000.000đ;

+ FT22080397831515 chuyển 2.000.000đ;

+ FT22080473820076 chuyển 2.000.000đ;

+ FT22080211059633 chuyển 2.000.000đ vào ngày 21/3/2022;

- + FT22089730928947 ngày 30/3/2022 chuyển 4.000.000đ;
- + FT22090491238888 ngày 31/3/2022 chuyển 10.000.000đ;
- + FT22091041251916 ngày 01/4/2022 chuyển 5.000.000đ

(Vào tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8 các bút lục 292-295, 316-320).

Tổng số tiền chiếm đoạt trong 31 mã giao dịch trên là 245.200.000 đồng (trong đó Q giúp T1 chiếm đoạt 65.000.000 đồng), Cơ quan cảnh sát điều tra đã thực hiện các biện pháp xác minh nhân thân của các bị hại nhưng đến nay vẫn chưa xác định được nên căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, tách ra giải quyết theo thủ tục tố dân sự khi bị hại yêu cầu.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu thu sung quỹ Nhà nước: 01 máy tính xách tay hiệu Asus, Model: 826NGW; 01 điện thoại di động màu đen hiệu iphone 7;
- Tịch thu tiêu hủy: 02 thẻ ATM ngân hàng MB Bank của tài khoản số 7799992309999 tên Bùi Văn Tiếng D7 và tài khoản số 3040101375555 tên Huỳnh Lâm Đại N8; 01 thẻ ATM ngân hàng ACB tài khoản số 20927047 tên Bùi Văn Tiếng D7; 01 sim điện thoại di động 4G Mobifone số 0702488705, sêri sim 8401210850208347 là các công cụ, phương tiện T1, Q thực hiện hành vi phạm tội.

[8] Vấn đề khác:

Đối với người bán đường Link Weebly và tài khoản ngân hàng để Nguyễn Đức T và Nguyễn Xuân Q thực hiện việc hack facebook lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân nên tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét trong vụ án này, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xử lý.

Đối với Bùi Văn Tiếng D7 là người đứng tên chủ tài khoản 7799992309999 mở tại ngân hàng MBbank và Huỳnh Lâm Đại N8 là người đứng tên chủ tài khoản 3040101375555 mở tại ngân hàng MBbank nhưng Dũng và Nam không sử dụng tài khoản này và không biết các đối tượng sử dụng tài khoản này để phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí trên số tiền còn lại các bị cáo phải tiếp tục nộp khắc phục, cụ thể bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu $5\% \times 241.144.000\text{đ} = 12.057.250\text{đ}$; Bị cáo Nguyễn Xuân Q không phải chịu.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 50; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chấp hành hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án số 15/2021/HSST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chấp hành **13 (mười ba) năm 03 (ba) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2022, được khấu trừ thời gian tạm giam, tạm giữ trước đó tại từ ngày 04/02/2021 đến ngày 02/4/2021 tại Bản án số 15/2021/HSST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

[2.2] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q **07 (bảy) năm 06 (sáu) tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Xuân Q.

3. Về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

[3.1] Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu trách nhiệm trả lại số tiền chiếm đoạt từ ngày 27/01/2022 đến trước ngày 15/3/2022 với tổng số tiền là 365.670.000 đồng, đối với các bị hại, cụ thể:

- + Nguyễn Ngọc Mỹ D số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
- + Lê Bảo K số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);
- + Nguyễn Thị H9 số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng);
- + Nguyễn Thị C1 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng);
- + Nguyễn Thanh Kim H8 số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);
- + Hoàng Xuân N số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);
- + Phạm Thanh T1 số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng);
- + Nguyễn Văn Đ số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);
- + Đỗ Thị T2 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);
- +Vương Xuân T14 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);
- +Nguyễn Trọng V số tiền 720.000đ (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng);
- + Nguyễn Thị T3 số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);
- + Nguyễn Thị Thu K số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);
- + Nguyễn Thị T4 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
- + Phan Thị Như Hoa số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);
- + Nguyễn Thị Tường V số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);
- + Nguyễn Huyền T15 số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng);
- + Nguyễn Thị Thu H2 số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Nguyễn Thị D số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng);
- + Dương Thị Ngọc H3 số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng);
- + Trần Nguyệt N số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng);
- + H'Mot Niê số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- + Ngô Thị T4 số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Nguyễn Thị T9 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);
- + Trần Thị Ái V2 số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Phạm Mạnh C số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Đỗ Thị H5 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng);
- + Huỳnh Nguyễn Hoàng Y2 số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng);
- + Nguyễn Văn H số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Lê Văn T9 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- + Trần Thị Thu H7 số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng);
- + Cù Văn M số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- + Lê Văn T số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);
- + Nguyễn Thị H8 T5 số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Đặng Văn L3 số tiền 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng);
- + Nguyễn Thị Tuyết T6 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- + Vương Thị T7 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- + Huỳnh Thị Ánh L số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

[3.2] Buộc bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q phải liên đới chịu trách

nhệm trả lại số tiền chiếm đoạt cho các bị hại từ ngày 15/3/2022 đến ngày bị phát hiện với tổng số tiền là 375.475.000đ (ba trăm bảy lăm triệu bốn trăm bảy lăm nghìn đồng). Trong đó, Nguyễn Xuân Q có trách nhiệm trả số tiền 112.642.000đ (một trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng); T1 trả số tiền 262.832.000đ (hai trăm sáu hai triệu tám trăm ba hai nghìn đồng), với các bị hại cụ thể:

- + Tạ Thị H12 số tiền 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng);
- + Châu Thị L số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Hà Đức C2 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);
- + Trần Thị L số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng);
- + Nguyễn Ái N2 số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- + Nguyễn Thanh Thảo số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Trần Thị H4 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- + Mai Huy N số tiền 6.900.000đ (sáu triệu chín trăm nghìn đồng);
- + Nguyễn Thị H8 số tiền 105.000đ (một trăm lẻ năm nghìn đồng);
- + Nguyễn Thị T3 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- + Lê Thanh T11 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
- + Hoàng Thị N7 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- + Phạm Văn Y1 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- + Nguyễn Thị Diễm T10 số tiền 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng);
- + Nguyễn Thị Ánh H3 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
- + Phan Thị T7 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- + Nguyễn Thị N6 số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng);
- + Phạm Hồng D số tiền 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng);
- + Nguyễn Đình V4 số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- + Vũ Thị T8 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);
- + Nguyễn Văn K3 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);
- + Nguyễn Thị L số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Võ Văn H4 số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng);
- + Phan Thị H5 số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng);
- + Nguyễn Đặng Khánh N6 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- + Nguyễn Thị T9 số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- + Nguyễn Thị H7 số tiền 77.000.000đ (bảy mươi bảy triệu đồng);
- + Phạm Thị L3 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- + Trịnh Thị H số tiền 25.000.000đ (hai lăm triệu đồng);
- + Mai Văn P1 số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng);
- + Lê Đình N6 số tiền 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng);
- + Đỗ Thị K3 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng);

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Đức T phải trả lại cho các bị hại là 628.502.000 đồng (sáu trăm hai tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Xuân Q phải trả lại cho các bị hại là 112.642.000đ (một trăm mười hai triệu sáu trăm bốn hai nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) gia đình bị cáo T1 đã nộp khắc phục; 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) gia đình bị cáo Q nộp khắc phục và 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) thu giữ của hai bị cáo trong quá trình điều tra

(Theo Ủy nhiệm chi số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) giữa Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Bình Phước với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước ngày 10/5/2023)

Số tiền còn lại T1 phải tiếp tục nộp trả lại cho các bị hại tại mục [3.1] và [3.2] là 241.144.000đ (hai trăm bốn một triệu, một trăm bốn bốn nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[3.3] Đối với 31 mã giao dịch chuyển tiền vào tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8, Bùi Văn Tiến D1:

- Tính từ ngày 27/01/2022 đến ngày 14/3/2022 (do T1 chiếm đoạt):
 - + FT 22041777476037 ngày 10/02/2022 chuyển 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
 - + FT22049080979242 ngày 18/02/2022 chuyển 5.000.000đ (năm triệu đồng);
 - + FT22049466137265 ngày 18/02/2022 chuyển 3.000.000đ (ba triệu đồng);
 - + FT22049024823346 ngày 18/02/2022 chuyển 1.000.000đ (một triệu đồng)
- (Vào tài khoản Bùi Văn Tiến D1 tại các bút lục 292-295, 316-320)
 - + FT22054571016350 ngày 23/02/2022 chuyển 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng);
 - + FT22056680697425 ngày 25/02/2022 chuyển 38.400.000đ (ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng);
 - + FT22059970814198 (qua ví momo) chuyển 3.000.000đ (ba triệu đồng);

+ FT22059014443158 chuyển 500.000đ (năm trăm nghìn đồng);
 + FT22059804902869 chuyển 3.000.000đ (ba triệu đồng) vào ngày 28/02/2022;
 + FT22062620009231 ngày 03/3/2022 chuyển 3.000.000đ (ba triệu đồng);
 + FT22067037599671 chuyển 10.000.000đ (mười triệu đồng);
 + FT22067075936329 chuyển 5.000.000đ (năm triệu đồng) vào ngày 08/3/2022;
 + FT22068225006034 chuyển 7.000.000đ (bảy triệu đồng),
 + FT22068416428474 chuyển 10.000.000đ (mười triệu đồng);
 + FT22068318935432 chuyển 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
 + FT22068115107876 chuyển 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng);
 + FT22068390061882 chuyển 28.800.000đ (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) chuyển vào ngày 09/3/2022
 (Vào tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8 các bút lục 292-295, 316-320);
 - Tính từ ngày 15/3/2022 đến khi bị phát hiện (do T1, Q cùng chiếm đoạt)
 + FT22075470850305 chuyển 1.000.000đ (một triệu đồng);
 + FT22075464752201 chuyển 3.000.000đ (ba triệu đồng);
 + FT220755222169033 chuyển 5.000.000đ (năm triệu đồng);
 + FT22075128600190 chuyển 5.000.000đ (năm triệu đồng);
 + FT22075960520592 chuyển 8.000.000đ (tám triệu đồng);
 + FT22075254833816 chuyển 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào ngày 16/3/2022;
 + FT22080064892190 chuyển 7.000.000đ (bảy triệu đồng) ;
 + FT22080081692211 chuyển 1.000.000đ (một triệu đồng);
 + FT22080397831515 chuyển 2.000.000đ (hai triệu đồng);
 + FT22080473820076 chuyển 2.000.000đ (hai triệu đồng);
 + FT22080211059633 chuyển 2.000.000đ (hai triệu đồng) vào ngày 21/3/2022;
 + FT22089730928947 ngày 30/3/2022 chuyển 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
 + FT22090491238888 ngày 31/3/2022 chuyển 10.000.000đ (mười triệu đồng);
 + FT22091041251916 ngày 01/4/2022 chuyển 5.000.000đ (năm triệu đồng);
 (Vào tài khoản Huỳnh Lâm Đại N8 các bút lục 292-295, 316-320).

Tổng số tiền chiếm đoạt trong 31 mã giao dịch trên là 245.200.000 đồng (hai trăm bốn năm triệu hai trăm nghìn đồng) trong đó Q giúp T1 chiếm đoạt 65.000.000 đồng (sáu lăm triệu đồng), Cơ quan cảnh sát điều tra đã thực hiện các biện pháp xác minh nhân thân của các bị hại nhưng đến nay vẫn chưa xác định được nên căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, tách ra giải quyết theo thủ tục tố dân sự khi bị hại yêu cầu.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 máy tính xách tay hiệu Asus, Model: 826NGW; 01 điện thoại di động màu đen hiệu iphone 7;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 thẻ ATM ngân hàng MB Bank của tài khoản số 7799992309999 tên Bùi Văn Tiếng D7 và tài khoản số 3040101375555 tên Huỳnh Lâm Đại N8; 01 thẻ ATM ngân hàng ACB tài khoản số 20927047 tên Bùi Văn Tiếng D7; 01 sim điện thoại di động 4G số 0702488705, sêri sim 8401210850208347

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 03/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước)

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 12.057.250 đồng (mười hai triệu, không trăm năm bảy nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Bị cáo Nguyễn Xuân Q không phải chịu.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS – CA tỉnh Bình Phước;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo (2)
- Người bào chữa; (1)
- Người liên quan; (4);
- Bị hại (70)
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh